



BẢN TIN THAN NGÀY

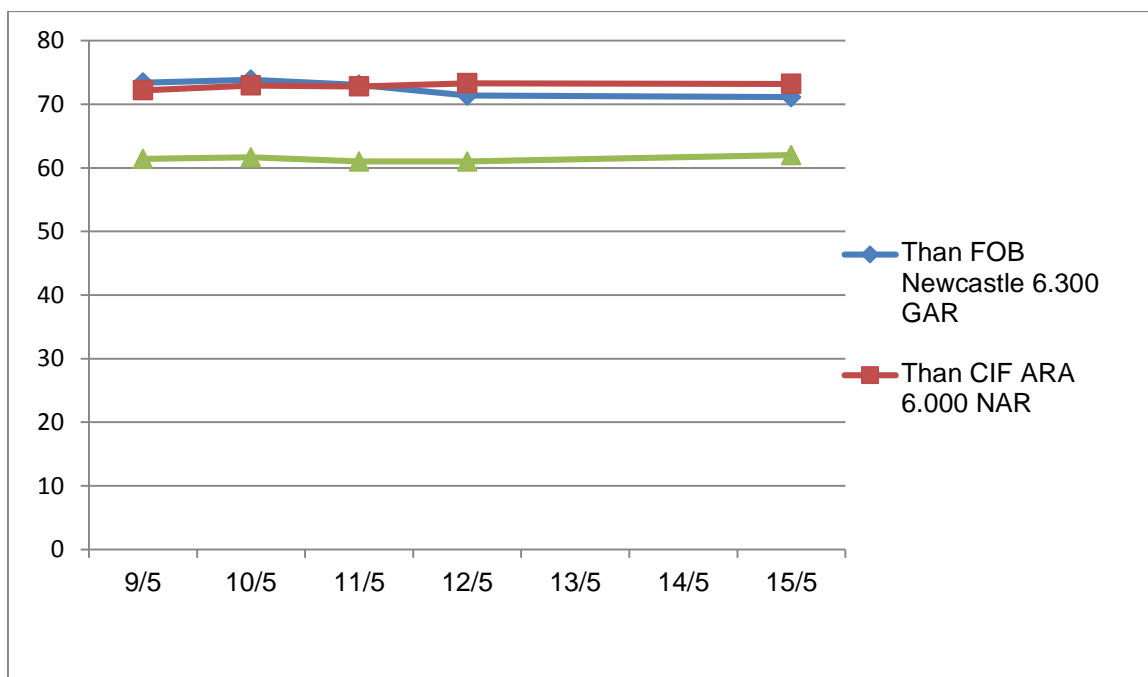
Ngày 18/05/2017

CHỈ SỐ GIÁ THAN TRÊN THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Chỉ số giá than	Giao ngay	+/-	Hợp đồng tương lai kỳ hạn 90 ngày	+/-
FOB Newcastle 6.300 GAR	71,10	- 0,25	71,65	- 0,95
CIF ARA 6.000 NAR	73,20	- 0,10	71,45	- 0,15
FOB Richards Bay 5.500 NAR	62,00	+ 1,00	N/A	N/A
FOB Kalimantan 5.900 GAR	N/A	N/A	69,00	+ 0,00
FOB Kalimantan 5.000 GAR	N/A	N/A	53,50	+ 0,00

Giá tham chiếu than nhiệt Trung Quốc	USD/tấn	+/-	NDT/tấn	+/-
PCC6 (CFR South China 3.800 NAR)	42,70	- 0,10	293,35	- 0,92
PCC7 (CFR South China 4.700 NAR)	60,40	+ 0,00	414,95	- 0,33
PCC8 (CFR South China 5.500 NAR)	71,20	- 0,10	489,15	- 1,07

GIÁ GIAO NGAY CÁC CHỈ SỐ THAN KHU VỰC NĂM 2017



(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 15/05/2017)

ĐIỂM TIN

Banpu hồi phục lợi nhuận trong quý I

Tập đoàn khai thác than Banpu Plc đã công bố lợi nhuận ròng 41 triệu USD trong quý I năm nay, đảo ngược mức lỗ ròng 5,2 triệu USD trong cùng kỳ năm 2016 nhờ giá than tăng và kinh doanh điện. Chủ tịch kiêm giám đốc điều hành Somruedee Chaimongkol cho biết công ty đã đạt tổng doanh thu bán ra 633 triệu USD, tăng 81 triệu USD so với cùng kỳ năm ngoái, đẩy lợi nhuận trước thuế tăng 93% so với cùng kỳ năm trước. Bà Somruedee cho biết lợi nhuận gia tăng chủ yếu do giá than tăng. Kinh doanh than trong quý I thu được 566 triệu USD, đóng góp 89% tổng doanh thu. Banpu hiện đang tăng cường chiến lược kinh doanh than cũng như liên tục tìm kiếm các cơ hội để trở thành nhà cung cấp năng lượng hàng đầu ở Châu Á Thái Bình Dương. Trong lĩnh vực kinh doanh khai thác, Banpu cho biết sẽ giữ mức sản lượng cao của các mỏ than hiện tại và kiểm soát chặt chẽ chi phí trong khi tìm kiếm những cơ hội mới để phát triển, tập trung vào gia tăng giá trị doanh nghiệp. Đối với kinh doanh than thương mại, Banpu sẽ tiếp tục cải tiến quản lý và quản trị để phát huy hiệu quả kinh doanh.

(Nguồn: <http://www.bangkokpost.com/business/news/1251538/>)

Than sẽ trở thành nguồn nhiên liệu điện lớn nhất của ASEAN vào năm 2030

Do nhu cầu ngày càng tăng trong những năm gần đây, than dự kiến sẽ vượt qua khí tự nhiên vào năm 2030 để trở thành nguồn nhiên liệu điện lớn nhất ở Đông Nam Á. Cơ quan năng lượng quốc tế dự báo sản lượng nhiệt điện sẽ tăng gấp 3 lần lên 920 terawatt giờ (TWh) vào năm 2035 từ 255 TWh năm 2013 do đó than dự kiến sẽ chiếm 48% trong tổng lượng nhiên liệu điện. Ông Benjamin Sporton, giám đốc điều hành Hiệp hội Than Thế giới (WCA) cho biết: "Chúng ta đang thấy sự chuyển hướng sang đầu tư nhiều hơn vào than hiệu suất cao. Lý do cho điều này là gì? Đó là bởi đầu tư cơ sở hạ tầng cho than thấp". Phát triển cơ sở hạ tầng cho khí đốt, bao gồm ống dẫn, bến cảng và máy móc chuyển đổi, đắt gấp 5 lần so với chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho than. Ông nói: "Trên thực tế, chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng nhà máy khí đốt ở Châu Á thường cao hơn bình thường".

(Nguồn: <http://www.thejakartapost.com/news/2017/05/18/coal-projected-to-be-largest-source-of-power-in-asean-by-2030.html>)

Ukraine nhập khẩu 551.000 tấn than trong 4 tháng đầu năm

Theo nguồn tin từ Bộ Năng lượng và Công nghiệp Than, tổng cộng 550.500 tấn than nhập khẩu đã được vận chuyển đến các NMNĐ (TPPs) và các NMNĐ hỗn hợp (CHPPs) của Ukraine trong 4 tháng đầu năm 2017. Trong đó riêng tháng 4 Ukraine đã nhập khẩu 137.200 tấn than từ Nga. Trong vòng 4 tháng, đã có 72.900 tấn than được nhập khẩu từ Nam Phi, 358.800 tấn từ Nga và 118.900 tấn từ Ba Lan. Mức dự trữ than tại TPPs và CHPP ở Ukraine đến đầu tháng 5 đã tăng 4,5% tương đương 85.600 tấn, đạt 2,008 triệu tấn so với tháng trước, trong đó khí than chiếm 1,7 triệu tấn và than anthracite chiếm 377.500 tấn nhưng vẫn thấp hơn 26,9% so với cùng kỳ năm 2016.

(Nguồn: <http://en.interfax.com.ua/news/economic/422064.html>)

CƯỚC VẬN TẢI ĐƯỜNG BIỂN QUỐC TẾ

Cỡ tàu	Điểm xuất phát	Điểm đến	Cước phí	Đơn vị: USD/tấn	Thay đổi
Capesize (150.000 tấn)	Úc	Trung Quốc	6,95		- 0,25
	Queensland	Nhật Bản	8,10		- 0,25
	New South Wales	Hàn Quốc	8,25		- 0,25
Panamax (70.000 tấn)	Richards Bay	Tây Ấn Độ	10,70		+ 0,00
	Kalimantan	Tây Ấn Độ	6,85		+ 0,00
	Richards Bay	Đông Ấn Độ	11,00		+ 0,00
	Kalimantan	Đông Ấn Độ	5,85		+ 0,00
	Úc	Trung Quốc	8,80		+ 0,00
	Úc	Ấn Độ	10,75		+ 0,00

(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 15/05/2017)